

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SON
Năm báo cáo: 2017

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0104890396
- Vốn điều lệ: 310.852.570.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 310.852.570.000 đồng
- Địa chỉ: Số nhà 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: 043.583.2189
- Số fax/: 043.884.9389
- Website: <http://www.dautusocson.com>
- Mã cổ phiếu: DPS

Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn thành lập vào ngày 31 tháng 8 năm 2010 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 01 ngày 31 tháng 8 năm 2010 và thay đổi lần thứ 12 ngày 01 tháng 03 năm 2017 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Được góp vốn bởi 03 cổ đông sáng lập với số vốn góp ban đầu là 4,9 tỷ đồng. Ngành nghề, hoạt động sản xuất kinh doanh chính là bán buôn sắt thép, có trụ sở chính đặt tại Tổ 2, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.
- Ngày 11 tháng 09 năm 2014, Công ty thay đổi trụ sở chính đến số nhà 156, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội với diện tích 500m² và kho hàng diện tích 1.000m² tại địa chỉ km 19, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội. Với trụ sở mới và kho hàng khang trang tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại của Công ty.
- Tháng 12 năm 2014, Công ty thực hiện 2 đợt tăng vốn điều lệ từ 4,9 tỷ đồng lên 30 tỷ và tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng lên 160,8 tỷ đồng để mở rộng hoạt động kinh doanh.
- Năm 2016 công ty tiếp tục tăng vốn điều lệ từ 160,8 tỷ đồng lên 288 tỷ đồng và tăng lên 304.7 tỷ đồng sau trả cổ tức bằng cổ phiếu. Kể từ khi thành lập cho đến thời điểm hiện tại, Công ty đã đi vào hoạt động được gần 7 năm, bước đầu cũng đã khẳng định được năng lực của mình trên thị trường, bằng chứng là Công ty đã và đang cung cấp thép với số lượng lớn cho một số dự án như: dự án xây dựng Bệnh viện y học cổ truyền - Bộ Công An, Dự án Khu đô thị Vân Canh – Hoài Đức – Hà Nội, dự án xây dựng Nhà công vụ Bộ Công an, Dự án xây dựng cầu Thái Hà, Dự án xây dựng nhà ở cho CBCNV Bệnh viện 103, Dự án Liên cơ quan Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội, Trung tâm cơ sở thông tin Quốc gia về tội phạm Bộ Công An ... Bên cạnh đó, Công ty vẫn đang nỗ lực tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường trong và ngoài nước để bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được thành tựu tốt nhất.

- 6/5/2015, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn (mã: DPS) đã chính thức lên sàn niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội- HNX

- 23/7/2015 Công ty khai trương văn phòng đại diện Hà Nội tại địa chỉ số 31 phố Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

-5/2016 Công ty khai trương chi nhánh tp.Hồ Chí Minh tại 371 Trần Xuân Soạn, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

-Năm 2017 cổ phiếu thay đổi tăng lên do trả cổ tức bằng cổ phiếu.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Buôn bán sắt thép thành phẩm

- Là nhà phân phối cho một số hãng sản xuất thép lớn của Việt Nam:

+ Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên: là con chim đầu đàn của ngành thép Việt Nam, Sóc Sơn vinh dự là một trong 10 đại lý phân phối cấp 1 hiệu quả của đơn vị này. Có được thành công đó là nhờ sự nỗ lực của toàn bộ tập thể CBCNV và những định hướng, chiến lược sáng suốt của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

Bên cạnh đó Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn còn là đại lý phân phối cấp 1 của thép Shengli, Việt Mỹ và là nhà phân phối cấp 2 của các hãng thép Việt Sing, Natsteelvina.

- Địa bàn kinh doanh: Địa bàn theo dự án công trình

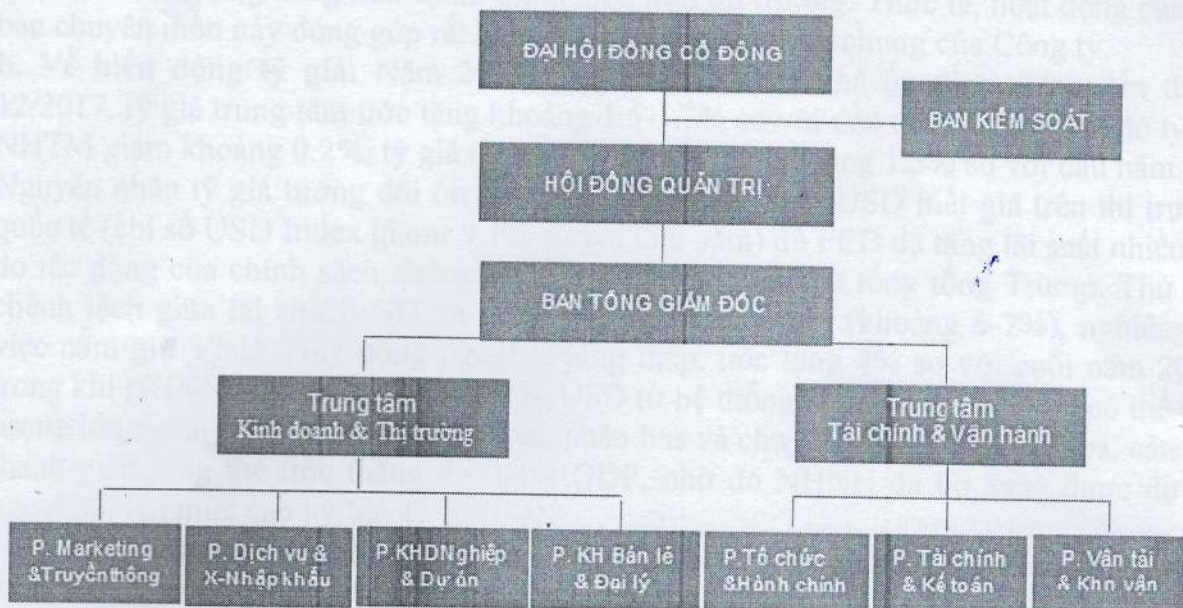
- Địa bàn phân phối từ các tỉnh miền Trung trở ra

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị

Công ty thực hiện mô hình quản lý theo sơ đồ trực tuyến – chức năng

- Cơ cấu bộ máy quản lý



- Các công ty con, công ty liên kết

- Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền với vốn điều lệ là 80 tỷ đồng (Công ty cổ phần đầu tư phát triển Sóc Sơn nắm 37,5% vốn điều lệ tương

đương 30 tỷ đồng).

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn đặt mục tiêu trở thành đơn vị cung cấp sắt thép, vật liệu cho các nhà phân phối, các công trình có quy mô vừa và lớn cho các đối tác trong và ngoài nước.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Sóc Sơn đã triển khai một phần kế hoạch 2016 – 2020 cụ thể bước đầu tái cấu trúc bộ máy quản lý, khai thác thêm rất nhiều đại lý và công trình lớn, không ngừng mở rộng thị trường để có thêm nhiều khách hàng mới.

- Các mục tiêu phát triển bền vững

Không chỉ đặt mục tiêu lợi nhuận lên hàng đầu, Công ty luôn gắn liền với trách nhiệm xã hội, luôn đảm bảo những hoạt động của mình tuân thủ theo pháp luật, các chuẩn mực đạo đức xã hội cũng như quan tâm đến lợi ích cộng đồng...

Cam kết toàn thể cán bộ công nhân viên của công ty nhận thức đầy đủ các vấn đề về môi trường, an toàn lao động và có trách nhiệm đối với tầm ảnh hưởng hành động của Công ty lên xã hội nói chung

5. Quản trị rủi ro

5.1. Rủi ro thị trường

a. Về biến động giá : kinh doanh thương mại thép xây dựng là mặt hàng cốt lõi của Công ty đóng góp hơn 90% vào doanh thu và lợi nhuận toàn Công ty. Giá nguyên nhiên liệu làm thép như quặng sắt, than các loại và giá bán thép đều liên thông biến động rất nhạy với thị trường thế giới. Trong năm qua, giá bán thép có tính ổn định nhưng giá các mặt hàng nguyên nhiên liệu biến động mạnh.

Biện pháp: Luôn cập nhật thông tin đưa ra các đánh giá, so sánh và sau đó lựa chọn được nhà cung ứng hàng hóa cạnh tranh nhất trên thị trường. Thực tế, hoạt động của các ban chuyên môn này đóng góp rất hiệu quả cho sự phát triển chung của Công ty.

b. Về biến động tỷ giá: Năm 2017, tỷ giá USD/VND khá ổn định. Tính đến tháng 12/2017, tỷ giá trung tâm ước tăng khoảng 1.5-1.7% so với đầu năm. Trong khi đó tỷ giá NHTM giảm khoảng 0.2%, tỷ giá thị trường tự do giảm khoảng 1.5% so với đầu năm.

Nguyên nhân tỷ giá tương đối ổn định do: Thứ nhất, đồng USD mất giá trên thị trường quốc tế (chỉ số USD Index giảm 9.1% so với đầu năm) dù FED đã tăng lãi suất nhiều lần do tác động của chính sách chống thâm hụt thương mại của tổng thống Trump. Thứ hai, chênh lệch giữa lãi suất VND và USD vẫn còn ở mức lớn (khoảng 6-7%), nghiêng về việc nắm giữ VND. Huy động ngoại tệ tăng thấp, ước tăng 4% so với cuối năm 2016, trong khi NHNN mua được khoảng 7 tỷ USD từ hệ thống ngân hàng. Do vậy, có thể một lượng lớn ngoại tệ đã được TCKT và cá nhân mua và chuyển sang VND. Thứ ba, cán cân thanh toán tổng thể ước thặng dư 3.4% GDP, nhờ đó NHNN đã bổ sung được dự trữ ngoại hối lên mức cao kỷ lục 47 tỷ USD.

Năm 2017, hoạt động kinh doanh của Công ty mới tập trung chủ yếu là các khách hàng trong nước, hoạt động xuất khẩu còn thông qua ủy thác và với số lượng chưa cao, tuy nhiên để mở rộng khách hàng cũng như tối đa hóa lợi nhuận, Công ty đã phân tích, dự báo và đưa ra các chiến lược để hướng tới các đối tác nước ngoài.

Biện pháp: Mặc dù năm qua tỷ giá khá ổn định với biên độ biến động 1.5% so với đầu năm nhưng với cơ chế điều hành tỷ giá trung tâm, biến động khó đoán định, Công ty luôn tính toán kỹ lưỡng thời gian thực hiện và thời hạn thanh toán các hợp đồng nhập khẩu để

có biện pháp cân đối ngoại tệ cho phù hợp.

c. Về biến động lãi suất: Lãi suất năm 2017 trên thị trường 1 ổn định kể từ năm 2015. Lãi suất huy động bình quân khá ổn định. Lãi suất huy động VNĐ kỳ hạn trên 12 tháng phổ biến ở mức 6.4% - 7.2%. lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên giảm khoảng 0.5-1% so với đầu năm. Đối với khu vực sản xuất kinh doanh thông thường, lãi suất cho vay ở mức 6.8 – 11%/năm.

Mặc dù thanh khoản hệ thống khá tốt, các điều kiện vĩ mô tương đối thuận lợi, lãi suất có tín hiệu giảm nhưng chưa như kỳ vọng vì :

Thứ nhất, thị trường tiền gửi và thị trường liên ngân hàng kém liên thông. Lãi suất liên ngân hàng duy trì ở mức khá thấp trong khi lãi suất trên thị trường tiền gửi giảm không nhiều, do thanh khoản dồi dào trên thị trường tập trung chủ yếu ở các tổ chức tín dụng lớn. Một số TCTD nhỏ hoặc thuộc đại diện tái cơ cấu thiếu vốn vẫn khó khăn trong việc tiếp cận dòng vốn lãi suất thấp trên thị trường liên ngân hàng, buộc phải giữ nguyên hoặc tăng lãi suất huy động trên thị trường tiền gửi.

Thứ hai, nợ xấu vẫn là rào cản lớn cho việc hạ lãi suất trong khi NIM TCTD vẫn còn ở mức khiêm tốn so với các nước trong khu vực. NIM của hệ thống ngân hàng tuy có xu hướng tăng trở lại (ở mức từ 2.74% năm 2014 lên mức khoảng 3% năm 2017) nhưng vẫn thấp so với các nước như Thái Lan (3.07%), Indonesia (5.82%), Philippines (3.58%). Điều này khiến các TCTD không có nhiều động lực để giảm lãi suất cho vay.

Lãi suất huy động và cho vay VNĐ năm 2018 được Ủy ban giám sát tài chính quốc gia (UBGSTCQG) dự báo khá ổn định so với năm 2017, với biên độ giao động khoảng 0.2 điểm %, về khả năng hạ lãi suất VNĐ : những yếu tố còn hỗ trợ thuận lợi cho việc giảm mặt bằng lãi suất cho vay : các biến số kinh tế vĩ mô như lạm phát được kiểm soát khoảng 4%, áp lực từ phía tỷ giá không lớn, nợ xấu nhiều khả năng được xử lý nhanh và triệt để hơn, dự báo kết quả kinh doanh hệ thống tiếp tục khả quan, thanh khoản tương đối ổn định, các TCTD yếu kém có chuyển biến tích cực.

Hiện nay hoạt động của Công ty chủ yếu dựa trên nguồn vốn tự có, tuy nhiên để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy và tận dụng đòn bẩy tài chính trong những năm tới Công ty cũng huy động nguồn vốn từ vay ngân hàng, do đó biến động về lãi suất sẽ tác động lên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm tiếp theo.

Biện pháp: Luôn chủ động định hướng cơ cấu nợ và vốn chủ phù hợp với từng thời điểm của hoạt động sản xuất kinh doanh gắn chặt với thời điểm của thị trường tín dụng.

5.2. Rủi ro chính sách

Các văn bản luật và hướng dẫn luật đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về pháp luật và chính sách có thể xảy ra. Mỗi sự thay đổi của chính sách đều có những tác động ít nhiều đến mọi hoạt động kinh doanh của Công ty.

Biện pháp: Phối hợp cùng các phòng ban chuyên môn tại tất cả đơn vị thành viên, Công ty xây dựng các ban như Ban pháp chế, Ban kiểm soát nội bộ

Các ban này có chức năng nhiệm vụ tổng hợp thông tin, thường xuyên cập nhật và hướng dẫn cho những Phòng ban và đơn vị thành viên của Công ty về sự thay đổi của pháp luật và các ảnh hưởng của pháp luật nếu có đối với hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời tư vấn kịp thời cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành để ra quyết định hợp lý nhất tại thời điểm cần.

5.3. Rủi ro về nhân sự

Biến động về nhân sự luôn là vấn đề cần đặc biệt quan tâm giải quyết. Bên cạnh đó, để đáp ứng yêu cầu của sự phát triển, Công ty Sóc Sơn phải liên tục nâng cao trình độ nhân sự.

Biện pháp : Coi con người là yếu tố trung tâm làm nên thành công, Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động. Các chính sách phát triển nhân sự cả về mặt chất và lượng luôn được triển khai đồng đều.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2017 với tổng doanh thu là 1.073 tỷ tương đương 97% so với cùng kỳ năm 2015. Lợi nhuận năm 2017 đạt 5.014 tỷ bằng 35 %.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch: Kết quả doanh thu đạt được trong năm 2017 bằng 97% so với năm 2016. Nguyên nhân do chi phí lãi vay tăng đột biến 71% so với năm 2016, ngoài ra giá vốn hàng bán tăng cao cũng là nguyên nhân làm sụt giảm lợi nhuận

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành

Tổng Giám đốc: Lê Tiến Dũng

Kế toán trưởng: Trần Lê Hoa

Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

a. Tổng Giám đốc Lê Tiến Dũng:

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 05/10/1975

- Nơi sinh: Xóm 9, Xã Nghĩa Hành, Huyện Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An

- Quốc tịch: Việt Nam

- Số HC: B2906343 Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh Ngày cấp: 20/11/2013

- Địa chỉ: Xóm 9, Xã Nghĩa Hành, Huyện Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ 1999 – 2008	Trưởng nhóm kỹ thuật lập trình CNC	Công ty Roze Robotech Khu CN Nobura Hải Phòng
Từ 2008 – 12/2011	Trưởng phòng Kinh doanh	Công ty ASAHI INTECH Hà Nội
Từ 01/2012 – 02/2014	Giám đốc	CTCP Đầu tư Phát triển Sóc Sơn
Từ 02/2014 – 04/2014	Phó Giám đốc	CTCP Đầu tư Phát triển Sóc Sơn
Từ 04/2014 – 7/2016	Giám đốc	CTCP Đầu tư Phát triển Sóc Sơn
Từ 07/2016 - nay	Tổng Giám đốc	CTCP Đầu tư Phát triển Sóc Sơn

Từ 05/02/2015 – nay

Thành viên HĐQT

CTCP Đầu tư Phát triển Sóc Sơn

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Các khoản thù lao, lương thưởng theo quy định của pháp luật và Công ty
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không

b. Kế toán trưởng: Trần Lê Hoa

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 09/09/1988
- Nơi sinh: Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 112251626 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 11/03/2013
- Địa chỉ: Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ 2011 - 2013	Kế toán	Công ty CP Vgreens Xuất nhập khẩu
Từ 2013 – 2015	Kế toán	Công ty TNHH PT thương mại & dịch vụ truyền thông Việt Nam
Từ 2015 - Nay	Kế toán	Công ty CP ĐT PT Sóc Sơn

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Các khoản thù lao, lương thưởng theo quy định của pháp luật và Công ty
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác: Không
- Những thay đổi trong ban điều hành: không có

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 38

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Chính sách đối với người lao động:

Ngoài mức lương, công ty còn có các khoản phụ cấp như: Phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp công việc, phụ cấp xăng xe điện thoại, phụ cấp thu hút...

Chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Nhà nước

Chế độ thăm hỏi, ốm đau, nuôi con nhỏ, hiếu hỉ, thai sản...

Các chế độ khác như: sinh nhật, quà mừng 01/06, mừng 08/03, 20/10... và các ngày lễ tết theo quy định của pháp luật.

Hàng năm công ty tiến hành đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề cho CBCNV, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm là 24,4 tỷ đồng, đây là khoản đầu tư hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Thảo Huyền là Công ty liên kết với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn với lĩnh vực kinh doanh chính:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (sắt, thép)
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (xăng dầu, gas, khí hóa lỏng)
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại không bao gồm các loại phế thải nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường)
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, điện áp và trạm biến áp đến 560KVA)
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Xây dựng nhà các loại
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh...

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
I	TÌNH HÌNH SXKD	
1	Tổng doanh thu	1,079,536,547,274
2	Tổng chi phí SXKD	1,071,479,660,194
3	Lợi nhuận trước thuế	6.635805.122
4	Lợi nhuận sau thuế	5.014.640.286
II	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	
1	Tài sản ngắn hạn	440,260,273,308
-	Vốn bằng tiền	8,278,809,339

-	Hàng tồn kho	95,364,672,056
-	Các khoản phải thu	311,829,020,136
	Trong đó phải thu khó đòi	(638,903,838)
2	Nợ phải trả	271,510,787,656
3	Nguồn vốn chủ sở hữu	332,249,068,436
	Trong đó, lợi nhuận chưa phân phối	27,489,588,436

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	576,136,615,944	603,759,856,092	1.05%
Doanh thu thuần	1,104,274,641,770	1,073,426,141,172	0.97%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	19,934,483,295	8,038,887,080	0.4%
Lợi nhuận khác	(1,067,820,628)	(1,403,081,958)	(1.31%)
Lợi nhuận trước thuế	18,866,662,667	6,635,805,122	0.35%
Lợi nhuận sau thuế	14,508,134,034	5,014,640,286	0.35%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú/
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2.17	1.62	
+ Hệ số thanh toán nhanh			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	1.86	1.27	
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.43	0.45	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.76	0.83	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình			

quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	14.09	10.96	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.013	0.005	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.044	0.015	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.025	0.008	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.018	0.007	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp Công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

31.085.257 cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (mệnh giá 10000 đồng/cổ phiếu). Toàn bộ là cổ phiếu được tự do chuyển nhượng

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông Nhà nước và các cổ đông khác

Tính đến ngày đăng ký cuối cùng 31/12/2017

* Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan tính tại ngày 31/12/2017

Bảng Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan tại ngày 31/12/2017

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Mối quan hệ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
	Trần Thanh Sang	Quang Lịch, Kiến Xương, Thái Bình		2.544.618	8,35%
1	1.1 Trần Xuân Cầu	Quang Lịch, Kiến Xương, Thái Bình	Bố	0	0
	1.2 Nguyễn Thị Bắc	Quang Lịch, Kiến Xương, Thái Bình	Mẹ	0	0
	1.3 Trần Nhật Lệ	Quang Lịch, Kiến Xương, Thái Bình	Em trai	0	0
TỔNG CỘNG				2.544.618	8,35%

- Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2017 trên mức vốn thực góp hiện tại

Bảng Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2017 trên mức vốn thực góp hiện tại

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)
I	Cổ đông trong nước	1.168	29.728.982	297.289.820.000	97,55%
1	Tổ chức (nhà nước, khác)	10	250.537	2.505.370.000	0,82%
2	Cá nhân	1.158	29.478.445	294.784.450.000	96,73%
I	Cổ đông nước ngoài	9	746.966	7.469.660.000	2,45%
1	Tổ chức (nhà nước, khác)	3	81.000	810.000.000	0,27%
2	Cá nhân	6	665.966	6.659.660.000	2,18%
	Tổng cộng	1.177	30.475.948	304.759.480.000	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu ... : không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch: Không giao dịch cổ phiếu quỹ năm 2017

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán

Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Công ty hoạt động trong lĩnh vực phân phối sắt thép nên không sử dụng nguyên vật liệu để sản xuất.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

Công ty không tái chế nguyên vật liệu sử dụng.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Điện lưới

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Không

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

Không

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nguồn cung cấp nước hiện nay của công ty chủ yếu là khai thác nước ngầm, phục vụ kinh doanh và sinh hoạt hàng ngày

Lượng nước sử dụng khoảng: 365m³/năm.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Không

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Kể từ khi hoạt động đến nay, công ty luôn chấp hành tốt các quy định của Nhà nước về môi trường nên cho đến nay công ty chưa bị xử phạt vi phạm.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Kể từ khi hoạt động công ty luôn chấp hành tốt pháp luật về môi trường nên số tiền bị xử phạt cho tới thời điểm này là 0 đồng.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng lao động: 38 người

Mức lương trung bình: 5.500.000 đồng/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Ăn ca miễn phí tại Công ty.

- Khám sức khỏe định kỳ hàng năm.

- Đào tạo an toàn lao động thường xuyên.

- Cấp phát bảo hộ lao động như: găng tay, quần áo bảo hộ...

- Đóng BHXH theo quy định của Nhà nước.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

8h/người/năm. Đào tạo vào cuối mỗi quý trong năm.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp 4 chương trình/năm.

Công ty đã ban hành các quy chế đào tạo, khuyến khích và hỗ trợ nhân viên học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ, chuyên môn

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để người lao động đảm bảo phát

triển sự nghiệp

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

Công ty tích cực tổ chức và tham gia hoạt động xã hội, cộng đồng như: đóng góp quỹ từ thiện địa phương, đóng góp Quỹ phòng chống thiên tai, chăm sóc Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, chăm lo cho các gia đình chính sách....

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh

Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và so sánh kết quả hoạt động năm 2016 và năm 2017

Bảng Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: nghìn đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	%Tăng/ giảm
1	Tổng giá trị tài sản	576,136,615,944	603,759,856,092	1.05%
2	Doanh thu thuần	1,104,274,641,770	1,073,426,141,172	0.97%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	19,934,483,295	8,038,887,080	0.40%
4	Lợi nhuận khác	(1,067,820,628)	(1,403,081,958)	(1.31)
5	Lợi nhuận trước thuế	18,866,662,667	6,635,805,122	0.35%
6	Lợi nhuận sau thuế	14,508,134,034	5,014,640,286	0.35%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của CTCP Đầu tư Phát triển Sóc Sơn)

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017: Tổng tài sản của Công ty năm 2017 tăng hơn 28 tỷ đồng (tương ứng tăng 5%) so với năm 2016. Vốn chủ sở hữu tăng

lên đến 332 tỷ đồng từ mức 327 tỷ đồng năm 2016.

Tuy nhiên, Doanh thu thuần năm 2017 là 1,073 tỷ đồng giảm 3% so với năm doanh thu thuần 2016 là 1,107 tỷ đồng nhưng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2017 là 5,014 tỷ đồng lại giảm so với năm 2016 là 14 tỷ đồng, nguyên nhân là do khoản chi phí lãi vay là tăng cao hơn 71% năm 2016 tương đương gần 8 tỷ đồng

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

- Những nhân tố thuận lợi

Tình hình chung của nền kinh tế:

Nền kinh tế Việt Nam sau hơn 10 năm gia nhập WTO mặc dù bị ảnh hưởng do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu nhưng vẫn duy trì được chuỗi tăng trưởng kinh tế, tốc độ tăng trưởng bình quân trong 10 năm là 6,32%. GDP năm 2017 đạt 6.81% và theo dự báo của Ủy ban giám sát tài chính quốc gia (UBGSTCQG) tốc độ tăng trưởng GDP từ 6.5%– 6.8%. Tốc độ tăng trưởng cao và ổn định mang lại tác động tốt tới hầu hết các ngành trong nền kinh tế.

Năm 2017 tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6.81%, cao hơn so với mức 6.21% cùng kỳ năm trước. Năm 2017, các chỉ số cho thấy khá rõ việc tăng trưởng chậm lại, tăng trưởng phục thuộc nhiều vào xuất khẩu với đóng góp lớn từ FDI mà FDI đăng ký lại suy yếu là điều báo không tích cực cho tăng trưởng. Ngoài ra, kinh tế thế giới chưa hoàn toàn khởi sắc, bất ổn chính trị leo thang cùng việc ký kết TPP với Mỹ đã bị tổng thống mới của Mỹ loại bỏ có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới triển vọng tăng trưởng của Việt Nam. Chính phủ cần ưu tiên chuyển đổi cơ cấu vốn, cải thiện hiệu suất của khu vực DNNN, tăng cường đầu tư công và tạo thuận lợi cho một khu vực tư nhân năng động hơn và năng suất hơn.

Vật liệu phân phối:

Thép phân phối của Công ty là thép Tisco – một sản phẩm của Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên, là một trong những sản phẩm thép được ưa chuộng trên thị trường; hiện Công ty cũng phân phối cả thép Hòa Phát, thép Việt Ý,... đều là các sản phẩm có thương hiệu, nên việc phân phối không gặp nhiều khó khăn trong việc quảng cáo sản phẩm, tiết kiệm chi phí cho Công ty.

Nhu cầu thị trường:

Ngành Thép Việt Nam đã có nhiều cố gắng trong công tác mở rộng thị trường để đẩy mạnh xuất khẩu các loại sản phẩm thép. Theo đó, sản lượng xuất khẩu của ngành thép trong năm 2017 đạt hơn 3.75 triệu tấn tăng 34% so với năm 2016. Sản phẩm thép nước ta chủ yếu được xuất khẩu sang các nước trong khối ASEAN và Hoa Kỳ. Đáng kể là xuất khẩu thép xây dựng đạt hơn 1 triệu tấn, tăng 62% so với cùng kỳ. Từ nước nhập khẩu phôi thép, Việt nam đã xuất khẩu hơn 300.000 tấn phôi trong năm 2017.

Năm 2017 tổng các loại sản phẩm thép mà các doanh nghiệp là thành viên của VSA sản xuất đạt 21.062 triệu tấn, tăng 24.3% so với năm 2016. Trong đó, tiêu thụ đạt gần 18 triệu tấn, tăng 20,7% so với năm 2016.

Những nhân tố khó khăn

Ngành thép năm 2017:

Kinh tế Việt Nam, thế giới nói chung và ngành thép nói riêng đang trong giai đoạn phục hồi nhưng vẫn còn tiềm ẩn nhiều khó khăn, thách thức. Trước sự giảm giá liên tục của nguyên liệu đầu vào của ngành thép trên thế giới và lượng thép nhập khẩu ngày càng

tăng, hầu hết các doanh nghiệp thép trong nước buộc phải giảm giá bán. Doanh nghiệp khu vực phía Bắc giảm từ 200.000 - 350.000 đồng/tấn, miền Nam giảm khoảng 100.000 đồng/tấn và tăng chiết khấu để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm trên thị trường.

Mặt khác, vấn đề đặt ra là giá thép Việt Nam cao hơn so với thép Trung Quốc nhập khẩu cùng chủng loại. Điều này, phản ánh năng lực sản xuất và cạnh tranh của ngành thép trong “sân chơi” hội nhập. Thực tế, do năng lực tài chính hạn chế nhiều doanh nghiệp chỉ đầu tư dây chuyền với quy mô nhỏ, công nghệ lò điện cũ, tiêu tốn nhiên liệu và chi phí cao dẫn đến giá thành, chất lượng sản phẩm chưa thực sự cạnh tranh, hiệu suất sử dụng chưa đạt yêu cầu. Để giải quyết tận gốc những bất cập của thị trường thép Việt Nam phải xuất phát từ việc nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm thép.

Thời gian qua, ngành thép trong nước đã rất chật vật để đối phó với một khối lượng lớn thép Trung Quốc giá rẻ nhập khẩu ồ ạt vào Việt Nam. Theo các chuyên gia, giá thành sản xuất của thép Trung Quốc rất cạnh tranh, về lâu dài, sức ép của thép nhập khẩu vẫn rất lớn. Đây được xem là hồi chuông cảnh báo để các doanh nghiệp ngành thép phải quan tâm đến bài toán chi phí sản xuất để có sự cải tổ, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý nhằm tăng năng suất, hạ giá thành sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh trong thời gian tới.

Hiện nay tổng năng lực sản xuất ngành thép Việt Nam vào khoảng 30 triệu tấn/năm, hầu hết các chủng loại thép đều có công suất và sản lượng vượt gấp đôi so với nhu cầu tiêu thụ trong nước. Nhưng Việt Nam vẫn phải nhập khẩu một số loại thép trong nước chưa sản xuất được như thép tấm cuộn cán nóng, thép hợp kim...

- Những tiến bộ công ty đã đạt được

Lợi thế cạnh tranh của Công ty là sự tinh gọn trong cơ cấu tổ chức và vận hành. Lực lượng lao động của Công ty trẻ trung, năng động và nhiệt huyết. Các thiết bị máy móc và phương tiện vận tải tối ưu nên nhờ đó, những sự cố về máy móc, thiết bị trong quá trình vận chuyển hầu như không xảy ra và đảm bảo chất lượng tốt cung cấp cho khách hàng. Bên cạnh đó, mặt hàng phân phối có tính cạnh tranh cao, là các sản phẩm có thương hiệu trên thị trường cũng như trong ngành.

Với điều kiện mặt bằng kinh doanh rộng, hiện đại Công ty có thể dự trữ được các mặt hàng với số lượng lớn và đảm bảo chất lượng. Đồng thời với vị trí địa lý thuận lợi, nằm trên đường quốc lộ nên việc vận chuyển hàng hóa, tiếp cận khách hàng hết sức thuận lợi.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Giá trị tổng tài sản 2017 tăng 5% so với 2016 chủ yếu là tài sản cố định, tình hình kinh doanh của Công ty 2017 khá tốt, vòng quay hàng tồn kho 2017 là 10.07 lần

b) Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả chủ yếu là phải trả người bán 19,42 tỷ và vay ngắn hạn cho hoạt động kinh doanh 242 tỷ. Hệ số nợ trên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu lần lượt là 45% và 82%. Không có nợ xấu, nợ đến hạn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Mở rộng thị trường tiêu thụ bao gồm địa bàn khu vực miền Nam, miền Trung và khai thác các công trình dự án lớn.

Căn cứ vào Chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020, Sóc Sơn đưa ra kế hoạch trong năm 2017 sẽ có tổng doanh số bán hàng đạt 1.100 tỷ, trong đó, mặt hàng chủ đạo sắt thép xây dựng chiếm 950 tỷ, tương đương 80.000 tấn. Thép hộp mạ kẽm 150 tỷ tương đương 10.000 tấn. Một việc quan trọng không kém việc tăng doanh thu là việc mở rộng thị trường thị trường tiêu thụ bao gồm địa bàn khu vực miền Nam, miền Trung và khai thác các công trình dự án lớn, tăng lượng khách hàng giao dịch.

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)*

Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Không

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Không

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Không

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội*

Năm 2017 với sự nỗ lực trong kinh doanh đã mang lại kết quả bán hàng năm 2017 với tổng doanh thu 1.073 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 5.014 tỷ đồng. Thu nhập bình quân đầu người/tháng năm 2017 là 5.5 triệu đồng.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty*

Ban giám đốc chưa hoàn thành thành tốt kế hoạch DHDCD đặt ra là tổng doanh thu năm 2017 là 1.073 tỷ tương đương 97% so với cùng kỳ năm 2016, lợi nhuận 5.014 tỷ giảm mạnh so với 2016 là 14 tỷ

Công ty đều đặn đóng góp định kỳ cho các quỹ bảo vệ môi trường, quỹ phát triển xã hội của địa phương, Trung ương và các đoàn thể khác phát động. Nội bộ Công ty luôn cố gắng hoạt động sản xuất kinh doanh theo tiêu chí giữ vững môi trường xanh sạch, sử dụng nguồn lao động tại địa phương Sóc Sơn để góp phần cân bằng xã hội.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Kế hoạch ngắn hạn là trong năm 2018 tổng doanh số bán hàng đạt 1.100 tỷ, trong đó, mặt hàng chủ đạo sắt thép chiếm 950 tỷ, tương đương 80.000 tấn. Thép hộp mạ kẽm 150 tỷ, tương đương 10.000 tấn. Trong trung và dài hạn mở rộng thị trường thị trường tiêu thụ bao gồm địa bàn khu vực miền Nam, miền Trung và khai thác các công trình dự án lớn, tăng lượng khách hàng giao dịch.

V. Quản trị công ty

1. *Hội đồng quản trị*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các

chứng khoán khác do công ty phát hành

STT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số hữu chứng khoán khác do công ty phát hành
1	Nguyễn Quang Nguyên	Chủ tịch HĐQT	1,019,021	3,34*	0
2	Nguyễn Ngọc Lâm	Ủy viên HĐQT	721,807	2,37	0
3	Lê Tiến Dũng	Ủy Viên HĐQT kiêm Giám đốc	0	0	0
4	Nguyễn Ngọc Tú	Ủy viên HĐQT	84,918	0,28	0
5	Nguyễn Quang Tiến	Ủy Viên HĐQT	849,184	2,79	0

Thành viên độc lập và các thành viên khác: Không có

Số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty nắm giữ tại các công ty khác: Không

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị :Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	42/CBTT/DPS	14/06/2017	Nghị quyết của Hội đồng Quản trị về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự đại hội cổ đông năm 2017.
2	49/HCSS	26/6/2017	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017
3	85/CBTT/DPS	14/12/2017	Kế hoạch trả cổ tức năm 2016
4	93/2017/DPS	19/12/2017	Thông báo phát hành trả cổ tức

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công

ty trong năm:

Ông Nguyễn Ngọc Lâm: Thạc sỹ Kinh tế- Đại học Ngoại thương

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành

STT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Sở hữu chứng khoán khác do công ty phát hành
1	Lê Hồng Sơn	Trưởng BKS	0	0	0
2	Tạ Thị Ánh	Thành viên BKS	52.810	0,173	0
3	Phạm Thị Thanh Thủy	Thành viên BKS	0	0,00	0

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban Kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý điều hành Công ty;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban Kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương/tháng (vnd)	Tháng	Tổng (vnd)
1	Nguyễn Quang Nguyên	Chủ tịch HĐQT	5.000.000	12	60.000.000
2	Nguyễn Ngọc Lâm	Ủy viên HĐQT	5.000.000	12	60.000.000
3	Nguyễn Ngọc Tú	Ủy viên HĐQT	5.000.000	12	60.000.000
4	Nguyễn Quang Tiến	Ủy viên HĐQT	5.000.000	12	60.000.000
5	Lê Tiến Dũng	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc	25.000.000	12	300.000.000
6	Lê Hồng Sơn	Trưởng BKS	3.000.000	12	36.000.000
7	Tạ Thị Ánh	Thành viên BKS	3.000.000	12	36.000.000



8	Phạm Thị Thanh Thủy	Thành viên BKS	3.000.000	12	36.000.000
Tổng					648.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức danh	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Nguyễn Quang Nguyên	Chủ tịch HĐQT	1.274.021	4,18	1,019,021	3,34	
2	Nguyễn Ngọc Lâm	Ủy viên HĐQT	721.807	2,37	721,807	2,37	
3	Nguyễn Quang Tiến	Ủy viên HĐQT	849.184	2,79	849,184	2,79	
4	Tạ Thị Ánh	Thành viên BKS	52.810	0,17	52,810	0,17	
5	Nguyễn Ngọc Tú	Ủy viên HĐQT	84.918	0,28	84,918	0,28	
6	Lê Tiên Dũng	Tổng giám đốc	84.918	0,28	0	0	
7	Phạm Thị Thanh Thủy	Thành viên BKS	528	0,00	0	0	

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Không có

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2017

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Quang Nguyên